

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
(Phần chi qua Sở Khoa học và Công nghệ)**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025- phần chi qua Sở Khoa học và Công nghệ.

(Kèm theo biểu mẫu chi tiết).

Điều 2. Giao Trung tâm Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ có trách nhiệm công khai quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Quang Tuấn

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
Phần chi qua Sở Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKH-CN ngày 07 tháng 01 năm 2025
của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	150
1	Số thu	150
2	Chi từ nguồn thu được để lại	122
3	Số nộp ngân sách nhà nước	28
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	64.063
1	Kinh phí chi thường xuyên (Quản lý nhà nước)	9.063
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.255
	Trong đó:	
	- Quỹ tiền lương	6.719
	+ Kinh phí lương theo mức 1,49trđ/tháng	4.278
	+ Kinh phí tăng lương cơ sở theo ND 24/2023/ND-CP và ND 73/2024/ND-CP	2.441
	- Chi thường xuyên theo định mức	1.536
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, không thực hiện giao khoán	808
1.2.1	Quỹ khen thưởng	408
1.2.2	Chi nghiệp vụ, chuyên môn: - Vận hành hệ thống văn phòng điện tử - Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị - Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy - Mua sắm, sửa chữa nhỏ	400
2	Kinh phí chi các nhiệm vụ, chương trình, đề án, nghị quyết (Sự nghiệp khoa học công nghệ)	55.000
	Chi không thực hiện tự chủ, không giao khoán	
2.1	Chi nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	54.000
	Quản lý nhà nước về KH&CN: Hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Sở hữu trí tuệ, An toàn bức xạ hạt nhân; Thanh tra; Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Nhiệm vụ cấp cơ sở; Chi tiêu chuẩn hội đồng; Chi tổng kết xây dựng các chương trình, kế hoạch; Chi phục vụ hoạt động quản lý.	6.710
	Chi nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố, nhiệm vụ thuộc chương trình khoa học công nghệ phục vụ nông thôn mới, chương trình khoa	25.640

	<i>học công nghệ biển.</i>	
	<i>Chi chương trình Đổi mới công nghệ</i>	<i>2.400</i>
	<i>Chi Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ</i>	<i>5.160</i>
	<i>Chi Chương trình tăng cường tiềm lực Khoa học công nghệ</i>	<i>1.600</i>
	<i>Chi Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học công nghệ</i>	<i>350</i>
	<i>Chi Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>	<i>4.300</i>
	<i>Chi Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa</i>	<i>5.000</i>
	<i>Chi Kế hoạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa</i>	<i>2.000</i>
	<i>Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền khoa học công nghệ phục vụ hoạt động chung</i>	<i>840</i>
2.2	Kế hoạch duy trì và nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương	1.000